

GIÁM ĐỐC
Phương Kim Mừng

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

ĐKC	Điều kiện chung của hợp đồng
ĐKCT	Điều kiện cụ thể của hợp đồng
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
Quy định mua sắm thường xuyên	Quy định lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc ban hành kèm theo Quyết định số 576/QĐ-ĐB ngày 28/5/2024 của Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc
VND	Đồng Việt Nam

Phần 1. THỦ TỤC CHỈ ĐỊNH THẦU

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

Mục 1. Phạm vi gói thầu

1. Bên mời thầu Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc mời nhà thầu nhận HSYC gói thầu: Mua sắm nhíp và quang nhíp ô tô các loại thuộc kế hoạch Mua sắm nhíp và quang nhíp ô tô các loại.

2. Nguồn vốn để thực hiện gói thầu: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Thời gian thực hiện gói thầu là: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2026.

Mục 2. Hành vi bị cấm trong đấu thầu

Hành vi bị cấm trong đấu thầu là hành vi quy định tại Điều 13 Quy định mua sắm thường xuyên.

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà thầu

Nhà thầu được coi là có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 4 Quy định mua sắm thường xuyên.

Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC

1. Trường hợp nhà thầu cần làm rõ HSYC thì gửi văn bản đến bên mời thầu trước ngày có thời điểm đóng thầu. Nội dung làm rõ HSYC được thể hiện bằng văn bản.

2. Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời thầu có trách nhiệm gửi quyết định sửa đổi và các nội dung sửa đổi tới nhà thầu. Thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC đến nhà thầu là tối thiểu 03 ngày làm việc. Trường hợp không đảm bảo đủ thời gian, bên mời thầu thực hiện gia hạn thời điểm đóng thầu tương ứng bảo đảm quy định về thời gian gửi văn bản sửa đổi HSYC trước ngày có thời điểm đóng thầu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ khi dự thầu

1. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.

2. Đồng tiền tham dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa bên mời thầu và nhà thầu liên quan đến việc tham dự thầu phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung.

Mục 6. Thành phần của HSDX

Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu, thuật ngữ, thông số,

yêu cầu kỹ thuật, yêu cầu về phạm vi cung cấp và các yêu cầu khác trong HSYC để chuẩn bị HSDX của mình gồm tất cả thông tin, tài liệu theo quy định của HSYC, bao gồm:

1. Đơn đề xuất chỉ định thầu theo Mẫu số 01 Chương III;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà thầu liên danh theo Mẫu số 03 Chương III;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu của nhà thầu, của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu;
4. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại Mục 8 Chương này;
5. Đề xuất về giá theo Mẫu số 04, 04.1, 04.2 Chương III;

Mục 7. Giá dự thầu

1. Giá dự thầu do nhà thầu ghi trong đơn đề xuất chỉ định thầu bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSYC, kể cả các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu.

2. Nhà thầu chào giá: Theo Mẫu số 04.1a Chương III.

3. Nhà thầu phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc được mô tả tại Chương IV và chào giá cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá tương ứng quy định tại theo Mẫu số 04, 04.1, 04.2 Chương III, bao gồm cả đơn giá (nếu có), thành tiền.

Mục 8. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan

1. Tất cả vật tư, thiết bị và dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng phải có xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Nhà thầu phải tuân thủ theo ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của vật tư, thiết bị nêu trong HSYC. Để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa, dịch vụ liên quan, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp bằng chứng về xuất xứ của các vật tư, thiết bị bao gồm các tài liệu sau: Chứng chỉ chứng nhận xuất xứ của hàng hóa (CO), chứng chỉ chứng nhận chất lượng thiết bị của nhà sản xuất (CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu, chứng chỉ xuất xưởng của nhà sản xuất.

2. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSYC, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu là một phần của HSDX chứng minh rằng hàng hóa đáp ứng thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật quy định tại Chương IV.

3. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật và tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ đối với thông số kỹ thuật và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương IV.

Mục 9. Hiệu lực của HSDX

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX phải bảo đảm theo yêu cầu là 30 ngày kể từ ngày hết hạn nộp HSDX.

2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời thầu có thể đề nghị nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDX. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản.

Mục 10. Quy cách và chữ ký trong HSDX

1. Nhà thầu phải chuẩn bị một bản gốc và một bản chụp HSDX, ghi rõ "bản gốc HSDX" và "bản chụp HSDX" tương ứng. Nhà thầu cần ghi rõ tên gói thầu, tên nhà thầu, tên bên mời thầu bên ngoài túi đựng HSDX. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp giữa bản chụp và bản gốc. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá.

2. Tất cả các thành phần nêu tại Mục 6 Chương I phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký, đóng dấu. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDX phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo phân công trong thuận liên danh.

3. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên phải bao gồm chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn đề xuất chỉ định thầu.

Mục 11. Thời điểm đóng thầu và mở thầu

1. HSDX do nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu: 08 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 01 năm 2026.

2. Mở thầu:

Bên mời thầu tiến hành mở thầu công khai và bắt đầu ngay trong thời hạn 02 giờ kể từ thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu chỉ mở các HSDX nhận được trước thời điểm đóng thầu theo yêu cầu của HSYC trước sự chứng kiến của đại diện các nhà thầu tham dự lễ mở thầu, không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở hồ sơ và đọc rõ các thông tin về tên nhà thầu:

- Tham dự độc lập hay liên danh;
- Số lượng bản gốc, bản chụp;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu;
- Giá trị giảm giá (nếu có);

- Thời gian có hiệu lực của HSDX;
- Thời gian thực hiện gói thầu;
- Các thông tin khác liên quan.

Biên bản mở thầu bao gồm các thông tin quy định tại điểm a và điểm b khoản này. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Biên bản này phải được gửi cho các nhà thầu nộp HSDX. Đại diện của bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có), các nội dung đề xuất về tài chính và các nội dung quan trọng khác của từng HSDX.

Mục 12. Nhà thầu phụ

1. Trường hợp nhà thầu cần sử dụng thầu phụ thì phải kê khai danh sách thầu phụ theo Mẫu số 10b Chương III. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách nhà thầu phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được đơn vị mua sắm chấp thuận.

2. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá 0% giá dự thầu của nhà thầu.

Mục 13. Đánh giá HSDX và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II.

2. Trong quá trình đánh giá, bên mời thầu mời nhà thầu đến thương thảo (nếu có), làm rõ hoặc sửa đổi, bổ sung nội dung HSDX để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, tiến độ, khối lượng, chất lượng, giải pháp kỹ thuật và biện pháp tổ chức thực hiện gói thầu. Việc thương thảo hợp đồng còn bao gồm đàm phán các nội dung cần thiết về đề xuất tài chính của nhà thầu, kể cả việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).

Mục 14. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu

Nhà thầu được đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực, kinh nghiệm và đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSYC;
3. Có giá trị phần sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu
4. Có giá đề nghị trúng thầu (giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và trừ đi giá trị giảm giá) không vượt giá gói thầu được duyệt.

Mục 15. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, đơn vị mua sắm đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà thầu lên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc, đồng thời gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu kèm theo dự thảo hợp đồng và kế hoạch hoàn thiện hợp đồng đến nhà thầu trúng thầu.

Điều 16. Điều kiện ký kết hợp đồng

1. Tại thời điểm ký kết, HSDX của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu.
3. Đơn vị mua sắm phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.

Mục 17. Giải quyết kiến nghị

1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu được kiến nghị người có thẩm quyền, đơn vị mua sắm xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu trên cơ sở tuân thủ quy định mua sắm thường xuyên.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của đơn vị mua sắm: Phòng Cơ điện, Vận tải, Vật tư – Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc, Khu 6B, phường Cửa Ông, Quảng Ninh, số điện thoại: 02033.866268; fax:02033.720896.

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc- Khu 6B, phường Cửa Ông, Quảng Ninh, số điện thoại: 02033.866268; fax:02033.720896.

Mục 19. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định mua sắm thường xuyên và quy định của pháp luật có liên quan, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Không có.

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSĐX theo quy định tại Mục 6 Chương I;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSĐX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ của HSĐX

HSĐX của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn đề xuất chỉ định thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC; thời gian ký đơn dự thầu phải sau thời điểm phát hành HSYC; không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho đơn vị mua sắm. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong thỏa thuận liên danh;
- c) Hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 9 Chương I;
- d) Có thỏa thuận liên danh (trong trường hợp liên danh) được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có); thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này (Mẫu số 04, 04.1, 04.2 Chương III);
- đ) Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I.
- e) Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

TT	Nội dung đánh giá	Kết quả đánh giá			Nhận xét	Ghi chú
		Đạt	Chấp nhận được	Không đạt		
1	2	3	4	5	6	7
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ					
2	Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hóa					
3	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì					
4	Tiến độ cung cấp hàng hóa					
5	Các cam kết của nhà thầu					
	KẾT LUẬN					

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Xác định giá đề nghị chỉ định thầu:

Bước 1: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có);

Bước 2: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

ĐƠN ĐỀ XUẤT CHỈ ĐỊNH THẦU

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ *[Ghi tên bên mời thầu]*

(sau đây gọi là bên mời thầu)

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu (bao gồm văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu, nếu có), chúng tôi, _____ *[Ghi tên nhà thầu]*, cam kết thực hiện gói thầu _____ *[Ghi tên gói thầu]* theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là _____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền dự thầu]*. Thời gian thực hiện gói thầu là _____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu]*.

Hồ sơ đề xuất có hiệu lực là ____ ngày *[Ghi số ngày]*, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ *[Ghi ngày có thời điểm đóng thầu]*.

Chúng tôi cam kết:

1. Tuân thủ hoàn toàn Quy định lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Đông Bắc và các văn bản hướng dẫn hiện hành đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Đông Bắc khi tham dự gói thầu này;

2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu trúng thầu⁽²⁾.

8. Những thông tin kê khai trong HSDX là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, HSDX và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu HSDX của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu⁽¹⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này. Trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất chỉ định thầu thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này).

(2) HSYC không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này. Nội dung này chỉ yêu cầu nhà thầu cam kết trong Đơn này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc ____ [Ghi tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm] do ____ [Ghi tên bên mời thầu] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với đơn vị mua sắm nếu được trúng thầu.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà thầu]. ____ [Ghi tên nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời thầu cùng với đơn đề xuất chỉ định thầu. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham dự thầu.

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

Thuộc: _____ [Ghi tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm]

- Căn cứ⁽²⁾ _____;

- Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho đơn vị mua sắm theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] thuộc _____ [Ghi tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho ____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn đề xuất chỉ định thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng;

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc từng thành viên đảm nhận trong liên danh như sau⁽⁴⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh		
2	Tên thành viên thứ 2		
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy thầu gói thầu ____ [Ghi tên gói thầu] thuộc ____ [Ghi tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH⁽⁵⁾
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

(5) Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh có thể là người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền.

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

STT	Nội dung	Giá dự thầu
1	Hàng hoá	(M)
2	Dịch vụ liên quan	(I)
	Tổng cộng giá dự thầu (Kết chuyển sang đơn đề xuất chỉ định thầu)	(M) + (I) + (C)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 4.1a

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)
1	Lá nhíp trước số 1 Hyundai HD270			2025-2026			90x12x1500	Lá	30,0			
2	Lá nhíp trước số 2 Hyundai HD270			2025-2026			90x12x1520	Lá	30,0			
3	Lá nhíp trước số 3 Hyundai HD270			2025-2026			90x12x1500	Lá	50,0			
4	Lá nhíp trước số 4 Hyundai HD270			2025-2026			90x12x1400	Lá	35,0			
5	Lá nhíp trước số 5 Hyundai HD270			2025-2026			90x12x1300	Lá	30,0			
6	Lá nhíp trước số 6 Hyundai HD270			2025-2026			90x12x1100	Lá	30,0			
7	Lá nhíp trước số 7 Hyundai HD270			2025-2026			90x12x900	Lá	30,0			
8	Lá nhíp trước số 8 Hyundai HD270			2025-2026			90x12x800	Lá	25,0			
9	Lá nhíp trước số 9 Hyundai HD270			2025-2026			90x12x600	Lá	25,0			
10	Lá nhíp trước số 10 Hyundai HD270			2025-2026			90x12x400	Lá	25,0			
11	Lá nhíp sau số 1 Hyundai HD270			2025-2026			90x20x1500	Lá	80,0			
12	Lá nhíp sau số 4 Hyundai HD270			2025-2026			90x20x1100	Lá	60,0			

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
13	Lá nhíp sau số 5 Hyundai HD270			2025-2026			90x20x1000	Lá	50,0			
14	Lá nhíp sau số 6 Hyundai HD270			2025-2026			90x20x1000	Lá	30,0			
15	Lá nhíp sau số 7 Hyundai HD270			2025-2026			90x20x900	Lá	40,0			
16	Lá nhíp sau số 8 Hyundai HD270			2025-2026			90x20x800	Lá	30,0			
17	Lá nhíp sau số 9 Hyundai HD270			2025-2026			90x20x700	Lá	35,0			
18	Lá nhíp sau số 10 Hyundai HD270			2025-2026			90x20x600	Lá	40,0			
19	Lá nhíp sau số 11 Hyundai HD270			2025-2026			90x20x500	Lá	60,0			
20	Quang nhíp trước Hyundai HD270			2025-2026			20x92x260	Cái	70,0			
21	Quang nhíp sau Hyundai HD270			2025-2026			27x92x460	Cái	80,0			
22	Lá nhíp sau số 1 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x1600	Lá	80,0			
23	Lá nhíp sau số 4 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x1250	Lá	35,0			
24	Lá nhíp sau số 5 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x1150	Lá	25,0			
25	Lá nhíp sau số 6 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x1000	Lá	30,0			
26	Lá nhíp sau số 7 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x850	Lá	25,0			

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
27	Lá nhíp sau số 8 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x750	Lá	20,0			
28	Lá nhíp sau số 9 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x650	Lá	20,0			
29	Lá nhíp sau số 10 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x550	Lá	20,0			
30	Lá nhíp sau số 11 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x450	Lá	20,0			
31	Lá nhíp sau số 12 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x350	Lá	18,0			
32	Lá nhíp sau số 13 Kamaz 6520			2025-2026			100x22x250	Lá	10,0			
33	Lá nhíp trước số 1 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x1870	Lá	7,0			
34	Lá nhíp trước số 2 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x1860	Lá	7,0			
35	Lá nhíp trước số 3 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x1680	Lá	15,0			
36	Lá nhíp trước số 4 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x1500	Lá	15,0			
37	Lá nhíp trước số 5 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x1350	Lá	15,0			
38	Lá nhíp trước số 6 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x1200	Lá	15,0			
39	Lá nhíp trước số 7 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x1050	Lá	12,0			
40	Lá nhíp trước số 8 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x900	Lá	12,0			

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
41	Lá nhíp trước số 9 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x750	Lá	10,0			
42	Lá nhíp trước số 10 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x600	Lá	10,0			
43	Lá nhíp trước số 11 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x450	Lá	5,0			
44	Lá nhíp trước số 12 Kamaz 6520			2025-2026			90x14x300	Lá	5,0			
45	Quang nhíp trước Kamaz 6520			2025-2026			24x92x320	Cái	35,0			
46	Quang nhíp sau Kamaz 6520			2025-2026			30x102x510	Cái	70,0			
47	Quang nhíp trước Auman GTLD240.E4			2025-2026			18x90x280	Cái	70,0			
48	Quang nhíp sau Auman GTLD240.E4			2025-2026			24x92x580	Cái	70,0			
49	Lá nhíp sau số 1 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x1700	Lá	30,0			
50	Lá nhíp sau số 2 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x1700	Lá	15,0			
51	Lá nhíp sau số 3 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x1700	Lá	15,0			

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
52	Lá nhíp sau số 4 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x1240	Lá	30,0			
53	Lá nhíp sau số 5 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x1140	Lá	30,0			
54	Lá nhíp sau số 6 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x1040	Lá	30,0			
55	Lá nhíp sau số 7 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x940	Lá	30,0			
56	Lá nhíp sau số 8 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x840	Lá	30,0			
57	Lá nhíp sau số 9 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x640	Lá	30,0			
58	Lá nhíp sau số 10 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x540	Lá	30,0			
59	Lá nhíp sau số 11 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x25x400	Lá	20,0			
60	Lá nhíp trước số 1 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x16x1800	Lá	20,0			

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
61	Lá nhíp trước số 2 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x16x1800	Lá	20,0			
62	Lá nhíp trước số 3 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x16x1600	Lá	20,0			
63	Lá nhíp trước số 4 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x16x1400	Lá	20,0			
64	Lá nhíp trước số 5 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x16x1200	Lá	20,0			
65	Lá nhíp trước số 6 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x16x1000	Lá	20,0			
66	Lá nhíp trước số 7 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x16x800	Lá	20,0			
67	Lá nhíp trước số 8 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x16x600	Lá	20,0			
68	Lá nhíp trước số 9 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x16x400	Lá	20,0			
69	Lá nhíp trước số 10 Auman GTLD240.E4			2025-2026			90x16x300	Lá	10,0			
70	Lá nhíp sau số 1 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x1700	Lá	30,0			

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
71	Lá nhíp sau số 2 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x1700	Lá	30,0			
72	Lá nhíp sau số 3 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x1700	Lá	30,0			
73	Lá nhíp sau số 4 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x1240	Lá	30,0			
74	Lá nhíp sau số 5 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x1140	Lá	30,0			
75	Lá nhíp sau số 6 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x1040	Lá	30,0			
76	Lá nhíp sau số 7 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x940	Lá	30,0			
77	Lá nhíp sau số 8 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x840	Lá	30,0			
78	Lá nhíp sau số 9 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x640	Lá	30,0			
79	Lá nhíp sau số 10 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x540	Lá	30,0			
80	Lá nhíp sau số 11 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x440	Lá	30,0			
81	Lá nhíp sau số 12 Howo CNHTC			2025-2026			90x25x300	Lá	30,0			
82	Lá nhíp trước số 1 Howo CNHTC			2025-2026			90x16x1650	Lá	20,0			
83	Lá nhíp trước số 2 Howo CNHTC			2025-2026			90x16x1660	Lá	20,0			
84	Lá nhíp trước số 3 Howo CNHTC			2025-2026			90x16x1600	Lá	20,0			

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
85	Lá nhíp trước số 4 Howo CNHTC			2025-2026			90x16x1400	Lá	20,0			
86	Lá nhíp trước số 6 Howo CNHTC			2025-2026			90x16x1000	Lá	20,0			
87	Lá nhíp trước số 7 Howo CNHTC			2025-2026			90x16x900	Lá	20,0			
88	Lá nhíp trước số 8 Howo CNHTC			2025-2026			90x16x700	Lá	20,0			
89	Lá nhíp trước số 9 Howo CNHTC			2025-2026			90x16x600	Lá	20,0			
90	Lá nhíp trước số 10 Howo CNHTC			2025-2026			90x16x400	Lá	20,0			
91	Lá nhíp trước số 11 Howo CNHTC			2025-2026			90x16x300	Lá	20,0			
92	Quang nhíp trước Howo CNHTC			2025-2026			20x92x300	Cái	40,0			
93	Quang nhíp sau Howo CNHTC			2025-2026			20x92x330	Cái	40,0			
Tổng cộng giá dự thầu của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)												(M)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn vị mua sắm, bên mời thầu điền từ (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10):
- (8) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền từ (11), (12), (13):

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(12), (13): Nhà thầu điền đơn giá, thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.

BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA

I. Hàng hóa được sản xuất, gia công tại Việt Nam

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá EXW	Giá EXW	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác	Thành tiền không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)=(10)x(12)	(14)	(15)=(13)+(14)	(16)	(17)=(15)+(16)
Tổng														(M')		(M1)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

- Đơn vị mua sắm, bên mời thầu điền (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền:

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

(16) Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT phải nộp trong trường hợp nhà thầu được trao hợp đồng.

(12) (13) (14) (15) (16) (17): Nhà thầu điền. Thành tiền (M') chưa bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 16) sẽ không được xem xét trong quá trình

đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với trường hợp gửi HSYC cho lớn hơn một nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

II. Hàng hóa được sản xuất, gia công ngoài nước đã được nhập khẩu hoặc sẽ được nhập khẩu vào Việt Nam

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với một đơn vị hàng hóa	Đơn giá không bao gồm thuế, phí liên quan đến nhập khẩu	Giá từng hạng mục không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu	Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác	Thành tiền không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu đối với từng hạng mục	Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT	Thành tiền bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14) =(12)-(13)	(15) =(10)x(14)	(16)	(17) =(15)+(16)	(18) =(10)x(13)	(19)	(20) =(17)+(18)+(19)
Tổng																(M')			(M2)

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Bên mời thầu điền:

- Đơn vị mua sắm, bên mời thầu điền (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9) (10)

(8): Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương IV.

- Nhà thầu điền:

(11): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê;

(14): Chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác (đã bao gồm thuế VAT) ở Việt Nam để vận chuyển hàng hóa đến địa điểm theo yêu cầu.

(11) (12) (13) (14) (15) (16) (17) (18) (19) (20): Nhà thầu điện. Thành tiền (M*) không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu (cột 18) và thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT (cột 19) sẽ không được xem xét trong quá trình đánh giá để so sánh, xếp hạng nhà thầu. Giá đề nghị trúng thầu và giá hợp đồng phải bao gồm giá trị thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

BẢNG TIỀN ĐỘ CUNG CẤP

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Lá nhíp trước số 1 Hyundai HD270	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
2	Lá nhíp trước số 2 Hyundai HD270	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
3	Lá nhíp trước số 3 Hyundai HD270	Lá	50,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
4	Lá nhíp trước số 4 Hyundai HD270	Lá	35,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
5	Lá nhíp trước số 5 Hyundai HD270	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
6	Lá nhíp trước số 6 Hyundai HD270	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
7	Lá nhíp trước số 7 Hyundai HD270	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
8	Lá nhíp trước số 8 Hyundai HD270	Lá	25,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
9	Lá nhíp trước số 9 Hyundai HD270	Lá	25,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
10	Lá nhíp trước số 10 Hyundai HD270	Lá	25,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
11	Lá nhíp sau số 1 Hyundai HD270	Lá	80,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
12	Lá nhíp sau số 4 Hyundai HD270	Lá	60,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
13	Lá nhíp sau số 5 Hyundai HD270	Lá	50,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
14	Lá nhíp sau số 6 Hyundai HD270	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
15	Lá nhíp sau số 7 Hyundai HD270	Lá	40,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
16	Lá nhíp sau số 8 Hyundai HD270	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
17	Lá nhíp sau số 9 Hyundai HD270	Lá	35,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
18	Lá nhíp sau số 10 Hyundai HD270	Lá	40,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
19	Lá nhíp sau số 11 Hyundai HD270	Lá	60,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
20	Quang nhíp trước Hyundai HD270	Cái	70,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
21	Quang nhíp sau Hyundai HD270	Cái	80,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
22	Lá nhíp sau số 1 Kamaz 6520	Lá	80,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
23	Lá nhíp sau số 4 Kamaz 6520	Lá	35,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
24	Lá nhíp sau số 5 Kamaz 6520	Lá	25,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
25	Lá nhíp sau số 6 Kamaz 6520	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
26	Lá nhíp sau số 7 Kamaz 6520	Lá	25,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
27	Lá nhíp sau số 8 Kamaz 6520	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
28	Lá nhíp sau số 9 Kamaz 6520	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
29	Lá nhíp sau số 10 Kamaz 6520	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
30	Lá nhíp sau số 11 Kamaz 6520	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
31	Lá nhíp sau số 12 Kamaz 6520	Lá	18,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
32	Lá nhíp sau số 13 Kamaz 6520	Lá	10,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
33	Lá nhíp trước số 1 Kamaz 6520	Lá	7,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
34	Lá nhíp trước số 2 Kamaz 6520	Lá	7,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
35	Lá nhíp trước số 3 Kamaz 6520	Lá	15,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
36	Lá nhíp trước số 4 Kamaz 6520	Lá	15,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
37	Lá nhíp trước số 5 Kamaz 6520	Lá	15,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
38	Lá nhíp trước số 6 Kamaz 6520	Lá	15,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
39	Lá nhíp trước số 7 Kamaz 6520	Lá	12,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
40	Lá nhíp trước số 8 Kamaz 6520	Lá	12,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
41	Lá nhíp trước số 9 Kamaz 6520	Lá	10,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
42	Lá nhíp trước số 10 Kamaz 6520	Lá	10,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
43	Lá nhíp trước số 11 Kamaz 6520	Lá	5,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
44	Lá nhíp trước số 12 Kamaz 6520	Lá	5,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
45	Quang nhíp trước Kamaz 6520	Cái	35,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
46	Quang nhíp sau Kamaz 6520	Cái	70,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
47	Quang nhíp trước Auman GTLD240.E4	Cái	70,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
48	Quang nhíp sau Auman GTLD240.E4	Cái	70,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
49	Lá nhíp sau số 1 Auman GTLD240.E4	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
50	Lá nhíp sau số 2 Auman GTLD240.E4	Lá	15,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
51	Lá nhíp sau số 3 Auman GTLD240.E4	Lá	15,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
52	Lá nhíp sau số 4 Auman GTLD240.E4	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
53	Lá nhíp sau số 5 Auman GTLD240.E4	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
54	Lá nhíp sau số 6 Auman GTLD240.E4	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
55	Lá nhíp sau số 7 Auman GTLD240.E4	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
56	Lá nhíp sau số 8 Auman GTLD240.E4	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
57	Lá nhíp sau số 9 Auman GTLD240.E4	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
58	Lá nhíp sau số 10 Auman GTLD240.E4	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
59	Lá nhíp sau số 11 Auman GTLD240.E4	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
60	Lá nhíp trước số 1 Auman GTLD240.E4	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
61	Lá nhíp trước số 2 Auman GTLD240.E4	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
62	Lá nhíp trước số 3 Auman GTLD240.E4	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
63	Lá nhíp trước số 4 Auman GTLD240.E4	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
64	Lá nhíp trước số 5 Auman GTLD240.E4	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
65	Lá nhíp trước số 6 Auman GTLD240.E4	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
66	Lá nhíp trước số 7 Auman GTLD240.E4	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
67	Lá nhíp trước số 8 Auman GTLD240.E4	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
68	Lá nhíp trước số 9 Auman GTLD240.E4	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
69	Lá nhíp trước số 10 Auman GTLD240.E4	Lá	10,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
70	Lá nhíp sau số 1 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
71	Lá nhíp sau số 2 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
72	Lá nhíp sau số 3 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
73	Lá nhíp sau số 4 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
74	Lá nhíp sau số 5 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
75	Lá nhíp sau số 6 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
76	Lá nhíp sau số 7 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
77	Lá nhíp sau số 8 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
78	Lá nhíp sau số 9 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
79	Lá nhíp sau số 10 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
80	Lá nhíp sau số 11 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
81	Lá nhíp sau số 12 Howo CNHTC	Lá	30,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
82	Lá nhíp trước số 1 Howo CNHTC	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
83	Lá nhíp trước số 2 Howo CNHTC	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
84	Lá nhíp trước số 3 Howo CNHTC	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
85	Lá nhíp trước số 4 Howo CNHTC	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
86	Lá nhíp trước số 6 Howo CNHTC	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
87	Lá nhíp trước số 7 Howo CNHTC	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
88	Lá nhíp trước số 8 Howo CNHTC	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Khối lượng	Địa điểm	Ngày giao hàng	Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất
89	Lá nhíp trước số 9 Howo CNHTC	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
90	Lá nhíp trước số 10 Howo CNHTC	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
91	Lá nhíp trước số 11 Howo CNHTC	Lá	20,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
92	Quang nhíp trước Howo CNHTC	Cái	40,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	
93	Quang nhíp sau Howo CNHTC	Cái	40,0	Tại kho bên mua	Giao hàng theo yêu cầu bên mua kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026	

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3)(4) (5) (6) (7): Bên mời thầu điền.

Cột (8): Nhà thầu điền;

(*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSYC. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSYC của nhà thầu sẽ bị loại.

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU ⁽¹⁾

Ngày: _____
 Tên gói thầu: _____

Tên nhà thầu: <i>[ghi tên nhà thầu. Trong trường hợp liên danh, điền tên của từng thành viên]</i>
Nơi nhà thầu đăng ký kinh doanh, hoạt động: <i>[điền tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty:
Địa chỉ hợp pháp của nhà thầu <i>[tại nơi đăng ký]</i> :
Thông tin về đại diện ủy quyền của nhà thầu Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư, Quyết định thành lập hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp... 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của nhà thầu.

Ghi chú:

(1) Đối với nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải kê khai theo Mẫu này.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN ⁽¹⁾
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: ____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]		
Ngày ký hợp đồng	[ghi ngày, tháng, năm]		
Ngày hoàn thành	[ghi ngày, tháng, năm]		
Giá hợp đồng ⁽³⁾	[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]	[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]	Tương đương ____ VND
Tên Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]		
Tên Đơn vị mua sắm:	[ghi tên đầy đủ của Đơn vị mua sắm trong hợp đồng đang kê khai]		
Địa chỉ:	[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Đơn vị mua sắm]		
Điện thoại/fax:	[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]		
E-mail:	[ghi địa chỉ e-mail]		

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSYC và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSYC. Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của đơn vị mua sắm về hợp đồng thực hiện theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương II để làm cơ sở đánh giá.

KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA
(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ [Điền số nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	[Ghi tên nhà máy]
Địa chỉ:	[Ghi địa chỉ nhà máy]
Tổng mức đầu tư:	[Ghi tổng mức đầu tư]
Công suất thiết kế:	[Ghi công suất thiết kế]
Công suất thực hiện:	[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]
Tiêu chuẩn sản xuất:	[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]
Số lao động đang làm việc:	[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU⁽¹⁾

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSYC		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh

thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSYC/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSYC thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Phần 2. YÊU VẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương IV. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về Kế hoạch mua sắm/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên kế hoạch: Mua sắm nhíp và quang nhíp ô tô các loại.
- Tên gói thầu: Mua sắm nhíp và quang nhíp ô tô các loại.
- Địa điểm, quy mô: Tại kho Công ty Cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc (Cảng Km6, Phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh)
- Bên mời thầu: Phòng Cơ điện, Vận tải, Vật tư - Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc.
- Nguồn vốn: Chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chỉ định thầu.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 12 năm 2025.
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
- Thời gian gói thầu: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết 31 tháng 12 năm 2026.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Hàng hóa được sản xuất năm 2025-2026. Mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu kỹ thuật và các yêu cầu khác theo đơn hàng.

- Hàng hóa bảo hành tối thiểu 12 tháng với những lỗi kỹ thuật của nhà sản xuất.
- Tiến độ giao hàng theo yêu cầu tại Mẫu số 4.3 Chương III.

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Lá nhíp trước số 1 Hyundai HD270	90x12x1500
2	Lá nhíp trước số 2 Hyundai HD270	90x12x1520
3	Lá nhíp trước số 3 Hyundai HD270	90x12x1500
4	Lá nhíp trước số 4 Hyundai HD270	90x12x1400
5	Lá nhíp trước số 5 Hyundai HD270	90x12x1300

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
6	Lá nhíp trước số 6 Hyundai HD270	90x12x1100
7	Lá nhíp trước số 7 Hyundai HD270	90x12x900
8	Lá nhíp trước số 8 Hyundai HD270	90x12x800
9	Lá nhíp trước số 9 Hyundai HD270	90x12x600
10	Lá nhíp trước số 10 Hyundai HD270	90x12x400
11	Lá nhíp sau số 1 Hyundai HD270	90x20x1500
12	Lá nhíp sau số 4 Hyundai HD270	90x20x1100
13	Lá nhíp sau số 5 Hyundai HD270	90x20x1000
14	Lá nhíp sau số 6 Hyundai HD270	90x20x1000
15	Lá nhíp sau số 7 Hyundai HD270	90x20x900
16	Lá nhíp sau số 8 Hyundai HD270	90x20x800
17	Lá nhíp sau số 9 Hyundai HD270	90x20x700
18	Lá nhíp sau số 10 Hyundai HD270	90x20x600
19	Lá nhíp sau số 11 Hyundai HD270	90x20x500
20	Quang nhíp trước Hyundai HD270	20x92x260
21	Quang nhíp sau Hyundai HD270	27x92x460
22	Lá nhíp sau số 1 Kamaz 6520	100x22x1600
23	Lá nhíp sau số 4 Kamaz 6520	100x22x1250
24	Lá nhíp sau số 5 Kamaz 6520	100x22x1150
25	Lá nhíp sau số 6 Kamaz 6520	100x22x1000
26	Lá nhíp sau số 7 Kamaz 6520	100x22x850
27	Lá nhíp sau số 8 Kamaz 6520	100x22x750
28	Lá nhíp sau số 9 Kamaz 6520	100x22x650

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
29	Lá nhíp sau số 10 Kamaz 6520	100x22x550
30	Lá nhíp sau số 11 Kamaz 6520	100x22x450
31	Lá nhíp sau số 12 Kamaz 6520	100x22x350
32	Lá nhíp sau số 13 Kamaz 6520	100x22x250
33	Lá nhíp trước số 1 Kamaz 6520	90x14x1870
34	Lá nhíp trước số 2 Kamaz 6520	90x14x1860
35	Lá nhíp trước số 3 Kamaz 6520	90x14x1680
36	Lá nhíp trước số 4 Kamaz 6520	90x14x1500
37	Lá nhíp trước số 5 Kamaz 6520	90x14x1350
38	Lá nhíp trước số 6 Kamaz 6520	90x14x1200
39	Lá nhíp trước số 7 Kamaz 6520	90x14x1050
40	Lá nhíp trước số 8 Kamaz 6520	90x14x900
41	Lá nhíp trước số 9 Kamaz 6520	90x14x750
42	Lá nhíp trước số 10 Kamaz 6520	90x14x600
43	Lá nhíp trước số 11 Kamaz 6520	90x14x450
44	Lá nhíp trước số 12 Kamaz 6520	90x14x300
45	Quang nhíp trước Kamaz 6520	24x92x320
46	Quang nhíp sau Kamaz 6520	30x102x510
47	Quang nhíp trước Auman GTLD240.E4	18x90x280
48	Quang nhíp sau Auman GTLD240.E4	24x92x580
49	Lá nhíp sau số 1 Auman GTLD240.E4	90x25x1700
50	Lá nhíp sau số 2 Auman GTLD240.E4	90x25x1700
51	Lá nhíp sau số 3 Auman GTLD240.E4	90x25x1700

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
52	Lá nhíp sau số 4 Auman GTLD240.E4	90x25x1240
53	Lá nhíp sau số 5 Auman GTLD240.E4	90x25x1140
54	Lá nhíp sau số 6 Auman GTLD240.E4	90x25x1040
55	Lá nhíp sau số 7 Auman GTLD240.E4	90x25x940
56	Lá nhíp sau số 8 Auman GTLD240.E4	90x25x840
57	Lá nhíp sau số 9 Auman GTLD240.E4	90x25x640
58	Lá nhíp sau số 10 Auman GTLD240.E4	90x25x540
59	Lá nhíp sau số 11 Auman GTLD240.E4	90x25x400
60	Lá nhíp trước số 1 Auman GTLD240.E4	90x16x1800
61	Lá nhíp trước số 2 Auman GTLD240.E4	90x16x1800
62	Lá nhíp trước số 3 Auman GTLD240.E4	90x16x1600
63	Lá nhíp trước số 4 Auman GTLD240.E4	90x16x1400
64	Lá nhíp trước số 5 Auman GTLD240.E4	90x16x1200
65	Lá nhíp trước số 6 Auman GTLD240.E4	90x16x1000
66	Lá nhíp trước số 7 Auman GTLD240.E4	90x16x800
67	Lá nhíp trước số 8 Auman GTLD240.E4	90x16x600
68	Lá nhíp trước số 9 Auman GTLD240.E4	90x16x400
69	Lá nhíp trước số 10 Auman GTLD240.E4	90x16x300
70	Lá nhíp sau số 1 Howo CNHTC	90x25x1700
71	Lá nhíp sau số 2 Howo CNHTC	90x25x1700
72	Lá nhíp sau số 3 Howo CNHTC	90x25x1700
73	Lá nhíp sau số 4 Howo CNHTC	90x25x1240
74	Lá nhíp sau số 5 Howo CNHTC	90x25x1140

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
75	Lá nhíp sau số 6 Howo CNHTC	90x25x1040
76	Lá nhíp sau số 7 Howo CNHTC	90x25x940
77	Lá nhíp sau số 8 Howo CNHTC	90x25x840
78	Lá nhíp sau số 9 Howo CNHTC	90x25x640
79	Lá nhíp sau số 10 Howo CNHTC	90x25x540
80	Lá nhíp sau số 11 Howo CNHTC	90x25x440
81	Lá nhíp sau số 12 Howo CNHTC	90x25x300
82	Lá nhíp trước số 1 Howo CNHTC	90x16x1650
83	Lá nhíp trước số 2 Howo CNHTC	90x16x1660
84	Lá nhíp trước số 3 Howo CNHTC	90x16x1600
85	Lá nhíp trước số 4 Howo CNHTC	90x16x1400
86	Lá nhíp trước số 6 Howo CNHTC	90x16x1000
87	Lá nhíp trước số 7 Howo CNHTC	90x16x900
88	Lá nhíp trước số 8 Howo CNHTC	90x16x700
89	Lá nhíp trước số 9 Howo CNHTC	90x16x600
90	Lá nhíp trước số 10 Howo CNHTC	90x16x400
91	Lá nhíp trước số 11 Howo CNHTC	90x16x300
92	Quang nhíp trước Howo CNHTC	20x92x300
93	Quang nhíp sau Howo CNHTC	20x92x330

1.3. Các yêu cầu khác

- Thời gian thanh toán: Trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao hàng và xuất hóa đơn GTGT hợp lệ.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ.

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Trong quá trình cung cấp hàng hóa, bên mua sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa đạt yêu cầu mới tiến hành kiểm nhập bởi tổ kiểm nhập vật tư hàng hóa của bên mua.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương V. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

1. Định nghĩa

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. “Đơn vị mua sắm” là tổ chức được quy định tại **ĐKCT**;
- 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;
- 1.3. “Nhà thầu” là Nhà thầu trúng thầu (có thể là Nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **ĐKCT**;
- 1.4. “Nhà thầu phụ” là một cá nhân hay tổ chức có tên trong danh sách các Nhà thầu phụ do Nhà thầu chính đề xuất trong HSDX hoặc Nhà thầu thực hiện các phần công việc mà Nhà thầu chính đề xuất trong HSDX; ký Hợp đồng với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc trong Hợp đồng theo nội dung đã kê khai trong HSDX được Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu chấp thuận;
- 1.5. “Tài liệu Hợp đồng” nghĩa là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;
- 1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);
- 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; tháng là tháng dương lịch;
- 1.8. “Hàng hóa” bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; vật tư y tế dùng cho các cơ sở y tế;
- 1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ;
- 1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;
- 1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại **ĐKCT**.

2. Thứ tự ưu tiên	Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 2.1. Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; 2.2. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 2.3. ĐKCT; 2.4. ĐKC; 2.5. HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu; 2.6. HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có); 2.7. Các tài liệu khác quy định tại ĐKCT.
3. Luật và ngôn ngữ	Luật điều chỉnh hợp đồng là luật của Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.
4. Ủy quyền	Trừ khi có quy định khác trong ĐKCT, Đơn vị mua sắm có thể ủy quyền thực hiện bất kỳ trách nhiệm nào của mình cho người khác, sau khi thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu và có thể rút lại quyết định ủy quyền sau khi đã thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu.
5. Thông báo	5.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại ĐKCT. 5.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.
6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng	6.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu không muộn hơn ngày quy định tại ĐKCT. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được áp dụng theo hình thức, giá trị và hiệu lực quy định tại ĐKCT. 6.2. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại ĐKCT.
7. Nhà thầu phụ	7.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT để thực hiện một phần công việc nêu trong HSDX. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Đơn vị mua sắm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ ngoài danh sách các Nhà

	thầu phụ đã được nêu tại Mục này chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Đơn vị mua sắm chấp thuận. 7.2. Nhà thầu không được sử dụng Nhà thầu phụ cho các công việc khác ngoài công việc kê khai sử dụng Nhà thầu phụ nêu trong HSDX. 7.3. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ quy định tại ĐKCT.
8. Giải quyết tranh chấp	8.1. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải. 8.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại ĐKCT kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại ĐKCT.
9. Phạm vi cung cấp	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại Chương IV – Phạm vi cung cấp và được đính kèm thành Phụ lục bảng giá hợp đồng và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm các loại hàng hóa, dịch vụ mà Nhà thầu phải cung cấp cùng với đơn giá của các loại hàng hóa, dịch vụ đó.
10. Tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ	Tiến độ cung cấp hàng hoá và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương IV – Phạm vi cung cấp. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn và/hoặc các chứng từ tài liệu khác theo quy định tại ĐKCT .
11. Trách nhiệm của Nhà thầu	Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ Hàng hóa và các Dịch vụ liên quan (nếu có) trong Phạm vi cung cấp quy định tại Mục 9 ĐKC và theo tiến độ cung cấp hàng hoá, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 10 ĐKC.
12. Loại hợp đồng và giá hợp đồng	12.1. Loại hợp đồng theo quy định tại ĐKCT. 12.2. Giá hợp đồng quy định tại ĐKCT là toàn bộ chi phí để thực hiện hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm toàn bộ các chi phí về thuế, phí, lệ phí

	(nếu có). 12.3. Bảng giá hợp đồng quy định tại Phụ lục bảng giá hợp đồng là một bộ phận không tách rời của hợp đồng này, bao gồm phạm vi cung cấp và thành tiền của các hạng mục.
13. Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng	Việc điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
14. Điều chỉnh thuế	Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại ĐKCT .
15. Tạm ứng	15.1. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại ĐKCT, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và có hiệu lực cho đến khi hoàn trả hết khoản tiền tạm ứng; giá trị của bảo lãnh tạm ứng sẽ được giảm dần theo số tiền tạm ứng mà Nhà thầu hoàn trả. Không tính lãi đối với tiền tạm ứng. 15.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Đơn vị mua sắm. Nhà thầu sẽ bị thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp sử dụng tiền tạm ứng không đúng mục đích. 15.3. Tiền tạm ứng phải được hoàn trả bằng cách khấu trừ một tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán đến hạn cho Nhà thầu, theo bảng kê tỷ lệ phần trăm công việc đã hoàn thành làm cơ sở thanh toán.
16. Thanh toán	16.1. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại ĐKCT. Trường hợp Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu thanh toán chậm, Nhà thầu sẽ được trả lãi trên số tiền thanh toán chậm vào lần thanh toán kế tiếp. Lãi suất thanh toán chậm được tính từ ngày mà lẽ ra phải thanh toán cho đến ngày thanh toán thực tế và mức lãi suất áp dụng là mức lãi suất hiện hành đối với các khoản vay thương mại bằng VND. 16.2. Đồng tiền thanh toán là: VND.

17. Bản quyền	Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Nhà thầu đã cung cấp cho Đơn vị mua sắm.
18. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng	18.1. Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu, Nhà thầu không được tiết lộ nội dung của hợp đồng cũng như đặc tính kỹ thuật, sơ đồ, bản vẽ, kiểu dáng, mẫu mã, thông tin do Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu hoặc đại diện của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu đưa ra cho bất cứ ai không phải là người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Nhà thầu cung cấp các thông tin cho người có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng này. 18.2. Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu, Nhà thầu không được sử dụng bất cứ thông tin hoặc tài liệu nào quy định tại Mục 18.1 ĐKC này vào mục đích khác trừ khi vì mục đích thực hiện hợp đồng. 18.3. Các tài liệu quy định tại Mục 18.1 ĐKC thuộc quyền sở hữu của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu. Khi Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có yêu cầu, Nhà thầu phải trả lại cho Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu các tài liệu này (bao gồm cả các bản chụp) sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng.
19. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn	Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo Hợp đồng này sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn đề cập tại Mục 2 Chương IV – Phạm vi cung cấp; nếu tại Mục 2 Chương IV không đề cập đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.
20. Đóng gói hàng hoá	Nhà thầu sẽ phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu quy định tại ĐKCT phù hợp với từng loại phương tiện vận chuyển để chuyển hàng hóa từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định. Việc đóng gói phải bảo đảm hàng hóa không bị hư hỏng do va chạm trong khi bốc dỡ vận chuyển và các tác động khác của môi trường. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương

	tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm giao hàng quy định.
21. Bảo hiểm	Hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình sản xuất, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo những nội dung được quy định tại ĐKCT .
22. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh	Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác được quy định tại ĐKCT .
23. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa	23.1. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu hoặc đại diện của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Nội dung, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm được quy định tại ĐKCT. 23.2. Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh đó nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. 23.3. Khi thực hiện các nội dung quy định tại Mục 23.1 và Mục 23.2 ĐKC, Nhà thầu không được miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng.
24. Bồi thường thiệt hại do vi phạm hợp đồng	Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền bồi thường tương ứng với % giá trị công việc chậm thực hiện như quy định tại ĐKCT tính cho mỗi tuần chậm thực hiện hoặc khoảng thời gian khác như thỏa thuận cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu sẽ khấu trừ đến % tối đa như quy định tại

	ĐKCT. Khi đạt đến mức tối đa, Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 ĐKC.
25. Bảo hành	25.1. Nhà thầu bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, bảo đảm chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo, trừ khi có quy định khác nêu tại ĐKCT. Ngoài ra, Nhà thầu cũng phải bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng sẽ không có các khuyết tật nảy sinh có thể dẫn đến những bất lợi trong quá trình sử dụng bình thường của hàng hóa. 25.2. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa quy định tại ĐKCT.
26. Bất khả kháng	26.1. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch. 26.2. Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thực hiện hợp đồng do điều kiện bất khả kháng, Nhà thầu theo hướng dẫn của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng. Trong trường hợp này, Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu phải xem xét để bồi hoàn cho Nhà thầu các khoản phụ phí cần thiết và hợp lý mà họ phải gánh chịu. 26.3. Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 8 ĐKC.

27. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng	27.1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng mang tính đặc chủng được đặt hàng sản xuất cho riêng Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu; b) Bổ sung hạng mục công việc, hàng hóa hoặc dịch vụ cần thiết ngoài phạm vi công việc quy định trong hợp đồng; c) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói; d) Thay đổi địa điểm giao hàng; đ) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng; e) Các nội dung khác quy định tại ĐKCT. 27.2. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.
28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng	Tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được điều chỉnh trong trường hợp sau đây: 28.1. Trường hợp bất khả kháng, không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; 28.2. Thay đổi phạm vi cung cấp, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng; 28.3. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng mà không làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì các bên tham gia hợp đồng thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh. Trường hợp điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng làm kéo dài tiến độ hoàn thành dự án thì phải báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định. 28.4. Các trường hợp khác quy định tại ĐKCT.
29. Chấm dứt hợp đồng	29.1. Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu hoặc Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau: a) Nhà thầu không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Đơn vị mua sắm/Bên

mời thầu gia hạn;

b) Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu hoặc Nhà thầu bị phá sản hoặc phải thanh lý tài sản để tái cơ cấu hoặc sáp nhập;

c) Có bằng chứng cho thấy Nhà thầu đã vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định hoặc thực hiện Hợp đồng;

d) Các hành vi khác quy định tại **ĐKCT**.

29.2. Trong trường hợp Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 29.1 ĐKC thì Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng do mình thực hiện.

29.3. Trong trường hợp Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu chấm dứt hợp đồng theo quy định tại điểm b Mục 29.1 ĐKC, Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Đơn vị mua sắm/Bên mời thầu được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **ĐKCT** phải được Bên mời thầu ghi đầy đủ trước khi phát hành HSYC.

ĐKC 1.1	Đơn vị mua sắm: Công ty Cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc Địa chỉ: Khu 6B, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh. Điện thoại: 0203.2211455. Fax: 02033.865732. Tài khoản: 117000010663 tại ngân hàng Công thương – CN Cẩm Phả. Mã số thuế: 5701650781.
ĐKC 1.3	Nhà thầu: ____ <i>[ghi tên Nhà thầu trúng thầu]</i> .
ĐKC 1.11	Địa điểm giao hàng cuối cùng là: Tại kho Công ty Cổ phần Vận tải và chế biến than Đông Bắc (Cảng Km6, Phường Quang Hanh, tỉnh Quảng Ninh)
ĐKC 2.7	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của hợp đồng: - Hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng; - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - ĐKCT; - ĐKC; - HSDX và các văn bản làm rõ HSDX của Nhà thầu (nếu có); - HSYC và các tài liệu sửa đổi HSYC (nếu có);
ĐKC 5.1	Các thông báo cần gửi về Đơn vị mua sắm theo địa chỉ dưới đây: - Người nhận: Phòng Cơ điện, Vận tải, Vật tư – Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến than Đông Bắc. - Địa chỉ: Khu 6B, phường Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh. - Điện thoại: 0203.2211455. - Fax: 02033.865732.
ĐKC 7.1	Danh sách Nhà thầu phụ: Không có.

ĐKC 7.3	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về Nhà thầu phụ: Không có.
ĐKC 8.2	Thời gian để tiến hành hòa giải: Tối đa 10 ngày. Giải quyết tranh chấp: Trong trường hợp đại diện của cả hai bên không thoả thuận được (một trong hai bên không đồng ý với cách giải quyết của bên kia đưa ra) thì tranh chấp sẽ được giải quyết bằng "trọng tài", theo quy định của Pháp luật Việt Nam về tổ tụng tại Tòa án tỉnh Quảng Ninh. Phí trọng tài do bên thua kiện phải chịu theo quy định.
ĐKC 10	Nhà thầu phải cung cấp các thông tin và chứng từ sau đây về việc vận chuyển hàng hóa: - Hóa đơn GTGT hợp lệ. - Bản cam kết nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc Chứng chỉ chứng nhận xuất xứ của hàng hóa (CO), chứng chỉ chứng nhận chất lượng thiết bị của nhà sản xuất (CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu, chứng chỉ xuất xưởng của nhà sản xuất.
ĐKC 12.1	Loại hợp đồng: Đơn giá cố định.
ĐKC 12.2	Giá hợp đồng: Cố định.
ĐKC 13	Điều chỉnh giá hợp đồng và khối lượng hợp đồng: a) Việc điều chỉnh giá hợp đồng chỉ được áp dụng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực; b) Việc điều chỉnh đơn giá được thực hiện từ thời điểm phát sinh yếu tố làm thay đổi giá và chỉ áp dụng đối với khối lượng được thực hiện theo đúng tiến độ ghi trong hợp đồng hoặc tiến độ được điều chỉnh theo quy định tại Mục 28 ĐKC. Không điều chỉnh đơn giá cho các khối lượng công việc trong hợp đồng tương ứng với số tiền đã tạm ứng hợp đồng; c) Giá hợp đồng sẽ được điều chỉnh trong thời gian thực hiện hợp đồng nhằm phản ánh những thay đổi về chi phí nhân công và vật tư. Việc điều chỉnh giá sẽ được thực hiện theo công thức sau: $P_1 = P_0 \left[a + \frac{bL_1}{L_0} + \frac{cM_1}{M_0} \right] - P_0$ $a+b+c = 1$ Trong đó: P_1 = Giá phải trả cho Nhà thầu sau khi điều chỉnh

P_0 = Giá Hợp đồng (giá cơ bản)

a = yếu tố cố định thể hiện lợi nhuận và phí quản lý chung được gộp vào trong Giá hợp đồng, thông thường trong khoảng từ 5% đến 15%

b = ước tính tỷ lệ của chi phí lao động (nhân công) trong giá hợp đồng

c = ước tính tỷ lệ của chi phí vật tư trong giá hợp đồng

L_0, L_1 = lần lượt là chỉ số giá nhân công áp dụng cho ngành sản xuất hàng hóa tại nước xuất xứ của hàng hóa vào ngày cơ bản và ngày điều chỉnh giá

M_0, M_1 = lần lượt là chỉ số giá vật tư vào ngày cơ bản và ngày điều chỉnh giá tại nước xuất xứ của hàng hóa

Trong HSDX, Nhà thầu phải ghi rõ nguồn trích dẫn các chỉ số đó, và giá trị các chỉ số vào ngày cơ bản.

Các hệ số a, b, và c sẽ do Bên mời thầu xác định như sau:

$a = [\text{điền giá trị hệ số}]$

$b = [\text{điền giá trị hệ số}]$

$c = [\text{điền giá trị hệ số}]$

Ngày cơ bản = 28 ngày trước thời điểm đóng thầu.

Ngày điều chỉnh giá = $[\text{điền số tuần}]$ tuần trước ngày chát hàng lên tàu (thường tương ứng với thời điểm khi quá trình sản xuất đã hoàn thành một nửa).

Điều kiện thực hiện điều chỉnh giá:

(i) Không được phép điều chỉnh giá ngoài thời hạn giao hàng gốc. Thông thường, điều chỉnh giá không được áp dụng cho khoảng thời gian chậm trễ mà Nhà thầu phải chịu toàn bộ trách nhiệm.

(ii) Nếu đồng tiền thể hiện giá hợp đồng P_0 không phải là đồng tiền ghi chỉ số giá nhân công và vật tư thì sẽ áp dụng một hệ số quy đổi để tránh sai sót khi điều chỉnh giá hợp đồng. Hệ số quy đổi phải tương ứng với tỷ lệ tỷ giá hối đoái giữa hai đồng tiền vào ngày cơ bản và ngày điều chỉnh giá đã xác định ở trên.

(iii) Số tiền tương ứng với khoản thanh toán tạm ứng cho Nhà thầu sẽ không được điều chỉnh giá.

d) Điều chỉnh khối lượng:

- Những khối lượng công việc tăng do lỗi chủ quan của Nhà thầu gây

	ra thì không được phép điều chỉnh; - Đối với những khối lượng công việc trong bảng giá hợp đồng mà thực tế thực hiện chênh lệch quá 20% khối lượng quy định ban đầu thì hai bên phải thỏa thuận nguyên tắc điều chỉnh đơn giá hợp lý, phù hợp với điều kiện thay đổi khối lượng (tăng hoặc giảm) khi thanh toán cho phần khối lượng thực hiện chênh lệch quá 20% này; - Những khối lượng phát sinh ngoài điều kiện quy định điều chỉnh ban đầu của hợp đồng hoặc trường hợp cần phải có sự tham gia của cả hai bên trong hợp đồng để ngăn ngừa, khắc phục các rủi ro thuộc trách nhiệm một bên thì hai bên cùng bàn bạc thống nhất biện pháp xử lý.
ĐKC 14	Điều chỉnh thuế: Được phép.
ĐKC 15.1	Tạm ứng: Không.
ĐKC 16.1	Phương thức thanh toán: Bên mua thanh toán bằng chuyển khoản trong vòng 60 ngày kể từ ngày giao hàng và bên mua nhận được hóa đơn GTGT hợp lệ.
ĐKC 20	Đóng gói hàng hóa: Ghi rõ tên, chủng loại hàng hóa.
ĐKC 21	Nội dung bảo hiểm: Nhà thầu chịu trách nhiệm mua bảo hiểm với toàn bộ hàng hóa của hợp đồng theo quy định hiện hành
ĐKC 22	- Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa: Trách nhiệm vận chuyển hàng hóa được thực hiện như sau: Theo hợp đồng, Nhà thầu phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm bên mua. Việc vận chuyển hàng hóa đến địa điểm của bên mua, bao gồm cả bảo hiểm và lưu kho theo quy định trong hợp đồng, do Nhà thầu thực hiện; các chi phí liên quan được tính trong giá hợp đồng.
ĐKC 23.1	Kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa: 1. Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Trong quá trình cung cấp hàng hóa, bên mua sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng, số lượng hàng hóa đạt yêu cầu mới tiến hành kiểm nhập bởi tổ kiểm nhập vật tư hàng hóa của bên mua. 2. Trong thời gian bảo hành, nếu phát hiện hàng hóa đang sử dụng có dấu hiệu hư hỏng hoặc kém chất lượng, Bên Mua có quyền kiểm tra hoặc thử nghiệm lại tại một đơn vị thử nghiệm độc lập. Trong trường hợp đơn vị thử nghiệm độc lập do Bên Mua chọn xác định hàng hóa không đủ chất lượng theo điều kiện của hợp đồng đã ký hoặc do lỗi của Bên bán, tùy theo yêu cầu của Bên Mua, Bên Bán phải bồi thường phần giá trị hàng

	hóa không đủ chất lượng trên hoặc đổi lại toàn bộ hàng hóa đạt chất lượng theo quy định của hợp đồng và bồi hoàn cho Bên mua mọi chi phí liên quan.
ĐKC 24	Tổng giá trị bồi thường thiệt hại tối đa là: 8%. Mức khấu trừ: 0,1%/ ngày Mức khấu trừ tối đa: 8%.
ĐKC 25.1	Nội dung yêu cầu bảo đảm khác đối với hàng hóa: Không có.
ĐKC 25.2	Yêu cầu về bảo hành: Tối thiểu 12 tháng kể từ khi hàng hóa được bàn giao.

Chương VII. BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà sau khi ghi thông tin hoàn chỉnh sẽ trở thành một phần của Hợp đồng.

HỢP ĐỒNG ⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Hợp đồng số: _____

Gói thầu: _____ [ghi tên gói thầu]

Thuộc : _____ [ghi tên kế hoạch mua sắm]

- Căn cứ² _____ [Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội];

- Căn cứ Quy định Lựa chọn Nhà thầu cung cấp hàng hóa, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng nguồn vốn sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Đông Bắc

- Căn cứ _____ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói thầu mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của ____ về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] và thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của Bên mời thầu;

- Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời thầu và Nhà thầu trúng thầu ký ngày ____ tháng ____ năm ____;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Đơn vị mua sắm (sau đây gọi là Bên A)

Tên Đơn vị mua sắm [ghi tên Đơn vị mua sắm]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

⁽¹⁾ Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung hợp đồng theo mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp, đặc biệt là đối với các nội dung khi thương thảo có sự khác biệt so với ĐKCT.

⁽²⁾ Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên Nhà thầu [ghi tên Nhà thầu trúng thầu]:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ (trường hợp được ủy quyền).

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan theo danh mục được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Thành phần hợp đồng

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phạm vi cung cấp và bảng giá cùng các Phụ lục khác);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
4. Điều kiện cụ thể của hợp đồng;
5. Điều kiện chung của hợp đồng;
6. Hồ sơ đề xuất và các tài liệu làm rõ hồ sơ đề xuất của Nhà thầu (nếu có);
7. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
8. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

Điều 3. Trách nhiệm của Bên A

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 4. Trách nhiệm của Bên B

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

1. Giá hợp đồng: ____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền ký hợp đồng].

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán theo phương thức quy định tại Mục 16.1 ĐKCT.

Điều 6. Loại hợp đồng: ____ [ghi loại hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 12.1 ĐKCT].

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng: ____ [ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với quy định tại Mục 1 Chương I – Chỉ dẫn nhà thầu, HSĐX và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

Điều 8. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ____ [ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng].

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành ____ bộ, Đơn vị mua sắm giữ ____ bộ, Nhà thầu giữ ____ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
NHÀ THẦU**

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
ĐƠN VỊ MUA SẮM**

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu]

PHỤ LỤC
BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG

(Kèm theo hợp đồng số _____, ngày _____ tháng _____ năm _____)